

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 05 - 11 - 2020

V/v “*Tranh chấp chia tài sản chung của
vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Phương

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhỏ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mauà Mauà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Trong 05 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mauà Mauà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp Ca tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 212/2020/HNGĐ-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hiền N, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. C cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Xin vắng)

Địa chỉ trụ sở: Khóm 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Nguyễn Phạm Cẩm T, sinh năm 2002 (Xin vắng)

3. Anh Nguyễn Phạm Nhật Đ, sinh năm 2004 (Xin vắng)

Cùng cư trú tại: Ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Phạm Thái X, sinh năm 1964 (Có mặt).

5. Bà Trần Lan C1, sinh năm 1966 (Có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Mỹ Phú, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Lan C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn là ông Nguyễn Hiền Ntrình bày:*

Vào năm năm 2002 ông và bà Nguyễn Thị C kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng sinh được hai người con chung tên Nguyễn Phạm Cẩm T, sinh năm 2002 và Nguyễn Phạm Nhật Đ, sinh năm 2004. Trong thời gian vợ chồng chung sống có tài sản chung là ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng 100m². Ngôi nhà được xây dựng vào năm 2015 trên phần đất thửa đất số 160, tờ bản đồ số 8, được cấp giấy chứng nhận số CS913708 ngày 17/12/2019 cho bà Phạm Thị C đứng tên quyền sử dụng tọa lạc ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Giá trị căn nhà hiện nay khoảng 300.000.000 đồng.

Căn nhà trên hiện ông và bà C đang sống cùng 02 người con tên Nguyễn Phạm Cẩm T và Nguyễn Phạm Nhật Đ.

Nay ông yêu cầu phân chia cho ông được hưởng 2/3 giá trị ngôi nhà, vì nguồn tiền để xây dựng ngôi nhà là từ tiền lương và các khoản thu nhập khác của ông. Lý do yêu cầu là vì Chi cục Thi hành án dân sự kê biên căn nhà để thi hành án khoản nợ của bà C thiếu bà C1.

- *Theo bị đơn là bà Phạm Thị C trình bày:*

Về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, con chung và tài sản chung của vợ chồng đúng như ông N trình bày. Bà xác định vợ chồng có ngôi nhà chung cấp 4, diện tích xây dựng 100m², xây dựng vào năm 2015 trên phần đất do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị căn nhà hiện nay khoảng 300.000.000 đồng. Ông yêu cầu được hưởng 2/3 giá trị ngôi nhà bà đồng ý.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Phạm Cẩm T và anh Nguyễn Phạm Nhật Đ trình bày:*

Chị T và anh Đ thống nhất theo quan điểm trình bày của ông Nguyễn Hiền N về yêu cầu Ca tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông N với bà C.

Tại văn bản ngày 12/6/2020 Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ thể hiện nội dung:

Quyết định thi hành án thể hiện bà Phạm Thị C phải thanh toán cho bà Trần Lan C1 và ông Phạm Thái X số tiền 957.706.000 đồng và nộp án phí số tiền 25.238.000 đồng.

Quá trình Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ giải quyết việc thi hành án, bà Phạm Thị C không tự nguyện thi hành án, ngày 21/02/2020 Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19/QĐ-CCTHADS đối với bà Phạm Thị C để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Hiền N với bà Phạm Thị C, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ không có ý kiến. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ sẽ xử lý tài sản sau khi có Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Theo người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Lan C1 trình bày:

Bà xác định căn nhà ông N yêu cầu phân chia là tài riêng của bà C1 với các lý do sau: Theo Bản án số 240/2019/DS-PT ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận định, quá trình giải quyết vụ án, ông N không thừa nhận căn nhà cấp 4 (nóc thái) là của ông N và bà C và trong các bản kê khai tài sản thu nhập năm 2016, 2017 ông N cũng không có kê khai căn nhà này.

Trước đây khi bà với bà Phạm Thị C xảy ra tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê nhà và thuê quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án ông N là người đại diện theo ủy quyền của bà C tham gia giải quyết. Trong suốt quá trình giải quyết từ khi bà khởi kiện đến khi kết thúc vụ án ông N xác định căn nhà cấp 4 (nóc thái) cất trên phần đất tọa lạc tại ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau là của bà C xây dựng. Ông N chỉ có ngôi nhà lá cất dưới mé sông và giải quyết tranh chấp Tòa án nhân dân huyện Đ định giá căn nhà của ông N có giá trị 40.000.000 đồng. Cũng như khi giải quyết vụ án tranh chấp giữa bà với bà C, ông N khẳng định ông N không có ngôi nhà tường cấp 4 (nóc thái).

Bà xác định nguồn tiền bà C xây nhà, bà C vay của bà Nguyễn Thu Hà, bà biết việc vay tiền này vì khi bà lập thủ tục chuyển nhượng nhà và đất của bà C tại Phòng công chứng Hà Ngọc Phổ và khi bà giao tiền cho bà C 400.000.000 đồng, bà C dùng toàn bộ số tiền trên để trả cho bà Hà.

Từ căn cứ trên bà yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông N về việc phân chia cho ông N được hưởng 2/3 giá trị ngôi nhà cấp 4 (nóc thái) tọa lạc tại ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau bà không đồng ý.

Ông N và bà C xác định căn nhà cấp 4 (nóc thái) tọa lạc tại ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau hiện nay giá trị còn lại khoảng

300.000.000 đồng, bà thống nhất giá trị căn nhà ông N và bà C đang quản lý giá 300.000.000 đồng.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thái X:* Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng ông X không có ý kiến đối với yêu cầu của ông N.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 212/2020/HNGĐ-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 38, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 213 và Điều 219 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 147, Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiền N.

1. Ông Nguyễn Hiền N được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị (150.000.000 đồng) căn nhà cấp 4 (nóc thái) xây dựng trên phần đất của bà Phạm Thị C, tọa lạc tại ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Phạm Thị C được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị (150.000.000 đồng) căn nhà cấp 4 (nóc thái) xây dựng trên phần đất của bà, tọa lạc tại ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/9/2020 bà Trần Lan C1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông N về chia giá trị căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa:

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Lan C1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, căn nhà là tài sản riêng của bà C do bà C vay tiền của bà Thu Hà để xây nhà và bản kê khai tài sản ông N không có kê khai căn nhà có tài sản là căn nhà.

- *Nguyên đơn,* ông N đồng ý với toàn bộ án sơ thẩm; căn nhà xây dựng toàn bộ tiền của ông do thiếu tiền nên ông có vay Ngân hàng, ông ký hợp đồng xây nhà với thợ, khi ứng cử Đại biểu Hội đồng nhân huyện ông có kê khai tài sản có căn nhà.

- *Bị đơn,* bà C đồng ý với bản án sơ thẩm, tiền xây nhà là của ông N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Lan C1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] C cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị Nguyễn Phạm Cẩm T, anh Nguyễn Phạm Nhật Đ có Đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Lan C1 với nội dung yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông N về chia tài sản chung là căn nhà nhà cấp 4 (nóc thái) tọa lạc tại ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Qua xem xét chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Ông Nguyễn Hiền N và bà Phạm Thị C kết hôn năm 2002, có lập thủ tục kết hôn theo quy định pháp luật, ông bà có hai người con chung, cả gia đình ông N cùng chung sống trên căn nhà cấp 4 (nhà thóc nóc) diện tích khoảng 100m², xây dựng trên phần đất do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ. Ông N, bà C xác nhận căn nhà là tài sản chung của vợ chồng, lời trình bày của hai đương sự là có căn cứ, bởi lẽ căn nhà được xây dựng năm 2015 là trong thời kỳ hôn nhân của ông N, bà C, nhà xây dựng trên phần đất của cha mẹ bà C cho ở từ hơn 20 năm. Theo Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định tài sản chung của vợ chồng gồm: “*Tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân...*”; Căn cứ vào quy định này thì dù tiền xây nhà là tiền riêng của bà C hay ông N bỏ ra xây nhà trong thời kỳ hôn nhân và được vợ chồng xác nhận là tài sản chung từ thời điểm xây nhà năm 2015 thì được pháp luật công nhận, ngoài ra ông N, bà C xác nhận căn nhà là tài sản chung được thể hiện tại Bản kê khai tài sản, thu nhập ngày 03/3/2016 của người ứng cử Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện. Trong khi đó năm 2019 thì bà C1 mới khởi kiện tại Tòa án về việc bà C thiếu nợ. Với những chứng cứ đã phân tích không có cơ sở nào cho rằng ông N, bà C tẩu tán tài sản. Do đó, căn nhà cấp 4 (nhà thóc nóc) trị giá 300.000.000 đồng là tài sản chung của ông N, bà C. Vì vậy, kháng cáo của bà C1 yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông N không được chấp nhận.

Do căn nhà và quyền sử dụng đất Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ra Quyết định số:19/QĐ-CCTHADS ngày 21/02/2020 cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Phạm Thị C, nên án sơ thẩm quyết định Ca cho ông N, bà C mỗi người 150.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Từ nhận định trên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà C1; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số:212/2020/HNGĐ-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm bà C1 phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Trần Lan C1; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 212/2020/HNGĐ-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiền N.

1. Ông Nguyễn Hiền N được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị của căn nhà cấp 4 (nóc thái) bằng 150.000.000đồng, nhà xây dựng trên phần đất của bà Phạm Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Phạm Thị C được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị bằng của căn nhà cấp 4 (nóc thái) là 150.000.000 đồng, nhà xây dựng trên phần đất của bà Phạm Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp Tân Điền A1, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Về án phí

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm

- Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 0010533 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; ông N còn phải nộp tiếp số tiền 2.500.000 đồng.

- Bà C phải chịu 7.500.000 đồng (Chưa nộp).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Lan C1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17/9/2020 bà C nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng tại Biên lai số 0011842 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- C cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

